

THÔNG TƯ**Hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia đối với phương tiện phi thương mại**

Căn cứ Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ký tại Hà Nội ngày 01 tháng 6 năm 1998;

Căn cứ Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ký tại Hà Nội ngày 10 tháng 10 năm 2005 (sau đây gọi tắt là Nghị định thư);

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia như sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia đối với phương tiện phi thương mại của Việt Nam và Campuchia qua lại biên giới Việt Nam – Campuchia và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của phương tiện phi thương mại qua lại biên giới hai nước Việt Nam và Campuchia.

Điều 3. Phương tiện phi thương mại

1. Phương tiện phi thương mại bao gồm:

a) Xe công vụ thuộc sở hữu của các đối tượng gồm: xe của các cơ quan của Đảng, Quốc hội và Chính phủ; các cơ quan trung ương của Đảng, Quốc hội và Chính phủ; văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ; các cơ quan thuộc Bộ, thuộc cơ quan ngang Bộ;

Xe của các cơ quan ngoại giao: Các đại sứ quán, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ có trụ sở tại Việt Nam;

Xe của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, đoàn thể; các tổ chức sự nghiệp ở Trung ương và địa phương;

b) Xe do doanh nhân ngoại quốc tự lái: phương tiện sử dụng bởi người có hộ chiếu của nước thứ ba cấp (hộ chiếu không phải của Việt Nam hoặc Campuchia);

c) Xe cứu hoả, cứu thương, cứu nạn, xe cứu trợ nhân đạo.

2. Điều kiện đối với phương tiện được cấp phép:

a) Được đóng để sử dụng trên đường bộ với mục đích chuyên chở hành khách;

b) Có không quá 09 (chín) chỗ ngồi kể cả người lái;

c) Đăng ký tại Việt Nam hoặc Campuchia;

d) Không sử dụng cho mục đích vận tải thương mại.

3. Biển ký hiệu phân biệt quốc gia (gọi tắt là biển ký hiệu quốc gia)

a) Ký hiệu phân biệt quốc gia của Việt Nam là “VN”. Biển ký hiệu phân biệt quốc gia quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này do cơ quan cấp Giấy phép vận tải liên vận cấp;

b) Ký hiệu phân biệt quốc gia của Campuchia là “KH”. Biển ký hiệu phân biệt quốc gia của Campuchia do cơ quan có thẩm quyền của Campuchia cấp;

c) Biển ký hiệu phân biệt quốc gia được gắn ở trên kính phía trước và phía sau phương tiện, riêng biệt so với biển số đăng ký.

Điều 4. Các cặp cửa khẩu thực hiện:

Việt Nam

1. Mộc Bài (Tây Ninh)
2. Tịnh Biên (An Giang)
3. Hà Tiên (Kiên Giang)

Campuchia

1. Bavet (Svay Rieng)
2. Phnom Den (Takeo)
3. Prek Chak (Lork-Kam Pot)

4. Xa Mát (Tây Ninh)
5. Lệ Thanh (Gia Lai)
6. Hoa Lư (Bình Phước)
7. Bu Prăng (Đắc Nông)

4. Trapeing Phlong (Kampong Cham)
5. Oyadav (Andong Pich-Rattanakiri)
6. Trapeang Sre (Snoul-Kratie)
7. O Raing (Mundulkiri)

Chương II

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VÀ VIỆC CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN

Điều 5. Giấy phép liên vận

1. Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia bao gồm Sổ Giấy phép liên vận và Phù hiệu liên vận gắn trên phương tiện vận tải.

2. Mẫu Sổ Giấy phép liên vận, mẫu Phù hiệu liên vận quy định tại Phụ lục 2a, 2b của Thông tư này.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị, trình tự, cách thức và lệ phí cấp phép

1. Hồ sơ đề nghị cấp phép gồm:

a) Giấy đề nghị cấp giấy phép liên vận qua lại biên giới Việt Nam - Campuchia có xác nhận của cơ quan điều động người và phương tiện đi công tác. Mẫu giấy đề nghị theo quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này;

b) Bản sao đăng ký phương tiện.

2. Trình tự, cách thức cấp phép:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan cấp phép tiếp nhận hồ sơ. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép thẩm định hồ sơ và cấp phép. Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Lệ phí cấp phép thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 7. Cơ quan cấp phép

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp phép cho các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Thông tư này có trụ sở đóng tại thành phố Hà Nội.

2. Sở Giao thông vận tải cấp phép cho các đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 3 của Thông tư này có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Thông tư này có trụ sở đóng tại thành phố Hà Nội).

Điều 8. Thời hạn giấy phép, miễn cấp giấy phép, thu hồi và gia hạn giấy phép

1. Thời hạn của giấy phép liên vận đối với phương tiện phi thương mại phù hợp với thời gian chuyến đi nhưng tối đa là 30 (ba mươi) ngày.

2. Miễn cấp giấy phép đối với các loại phương tiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 của Thông tư này khi làm nhiệm vụ khẩn cấp.

Thời hạn lưu trú trên lãnh thổ nước sở tại đối với phương tiện được miễn cấp phép tối đa là 07 (bảy) ngày.

3. Cơ quan cấp giấy phép có quyền thu hồi giấy phép liên vận khi phát hiện các hành vi vi phạm các quy định về điều kiện cấp phép đã nêu ở trên.

4. Phương tiện của Việt Nam khi lưu trú tại Campuchia hết hạn giấy phép và có lý do chính đáng (như: thiên tai, tai nạn, hỏng hóc không sửa chữa kịp) sẽ được gia hạn 01 (một) lần với thời gian không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày hết hạn lưu trú. Việc gia hạn do phía Campuchia quy định.

Điều 9. Gia hạn đối với xe Campuchia khi lưu trú tại Việt Nam

1. Đối tượng được gia hạn: phương tiện phi thương mại Campuchia hết hạn giấy phép và có lý do chính đáng (như: thiên tai, tai nạn, hỏng hóc không sửa chữa kịp) sẽ được gia hạn 01 (một) lần với thời hạn không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày hết hạn lưu trú.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn gồm: giấy phép liên vận; giấy đăng ký phương tiện; giấy đề nghị gia hạn theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này;

Hồ sơ đề nghị gia hạn gửi trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện đang lưu trú.

3. Quy trình xử lý hồ sơ: trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải trả lời việc gia hạn. Trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do ngay trong ngày nhận hồ sơ.

4. Thẩm quyền gia hạn: Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi phương tiện đang lưu trú.

Điều 10. Trách nhiệm của chủ phương tiện và người điều khiển phương tiện phi thương mại qua lại biên giới Việt Nam – Campuchia.

1. Chủ phương tiện và người điều khiển phương tiện phải sử dụng phương tiện đúng mục đích chuyên đi, đúng các cặp cửa khẩu đã được ghi trong giấy phép và tuân thủ luật pháp của nước đến.

2. Chủ phương tiện hoặc người điều khiển phương tiện phải nộp các khoản phí và lệ phí gồm phí cầu đường, phí qua phà và các loại phí khác do pháp luật của nước đến quy định.

Điều 11. Các giấy tờ người điều khiển phương tiện phi thương mại phải mang theo khi qua lại biên giới và khi hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam hoặc Campuchia

1. Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu và thị thực do cơ quan có thẩm quyền của nước đến cấp (nếu người điều khiển phương tiện không thuộc diện được miễn thị thực theo thỏa thuận giữa hai nước hoặc theo quy định của nước đến).

2. Giấy đăng ký phương tiện.

3. Tem và Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực.

4. Giấy phép liên vận (trừ trường hợp xe được miễn cấp phép).

5. Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc với người thứ ba còn giá trị.

6. Tờ khai hải quan phương tiện tạm nhập, tạm xuất qua biên giới đường bộ theo quy định của pháp luật.

Chương III

HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày ký.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam:

a) Tổ chức quản lý, hướng dẫn và kiểm tra hoạt động đối với các phương tiện phi thương mại qua lại biên giới đường bộ giữa Việt Nam và Campuchia;

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc kiểm tra và xử lý vi phạm đối với xe phi thương mại của Việt Nam và Campuchia hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, hàng năm gặp gỡ với cơ quan có thẩm quyền của Campuchia để thống nhất các vấn đề có liên quan đến quản lý hoạt động của phương tiện phi thương mại qua lại biên giới giữa hai nước;

c) In ấn và phát hành Biễn ký hiệu phân biệt quốc gia của Việt Nam, Sổ giấy phép liên vận, Phù hiệu liên vận ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Tổ chức cấp Giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại thuộc các đối tượng quy định.

2. Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Tổ chức phổ biến và triển khai thực hiện Thông tư này tới các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn;

b) Tổ chức cấp Giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại thuộc các đối tượng theo quy định;

c) Định kỳ hàng quý, năm báo cáo tình hình cấp phép về Tổng cục Đường bộ Việt Nam để tổng hợp, theo dõi.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị các tổ chức, cá nhân liên hệ với Tổng cục Đường bộ Việt Nam để được hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết, Tổng cục Đường bộ Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải để chỉ đạo thực hiện.

4. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Khoản 4 Điều 13;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ, Website Bộ GTVT;
- Lưu: VT, HTQT (10b).



Hồ Nghĩa Dũng

Phụ lục 1: Biển ký hiệu quốc gia



Phụ lục số 2a: Mẫu sổ giấy phép liên vận

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**



**SỔ GIẤY PHÉP LIÊN VẬN
VIỆTNAM - CAMBODIA**

**VIET NAM - CAMBODIA
CROSS-BORDER
TRANSPORT PERMIT**

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT OF VIETNAM**

**SỔ GIẤY PHÉP LIÊN VẬN
VIỆTNAM - CAMBODIA**

**VIET NAM - CAMBODIA
CROSS-BORDER
TRANSPORT PERMIT**

**PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI
NON - COMMERCIAL VEHICLE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan
có thẩm quyền liên quan cho phép phương tiện vận
tải đường bộ này đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự
giúp đỡ cần thiết**

**The Ministry of Transport of Viet Nam requests all
those whom it may concern to allow the vehicle to pass
freely and to afford the vehicle such assistance and
protection as may be necessary**

**Thông tin cơ bản về phương tiện
General data of the vehicles**

1. Số đăng ký phương tiện :.....
(Registration number)
2. Thông số kỹ thuật :.....
(Technical data)
 - Năm sản xuất (Manufactory year):.....
 - Nhãn hiệu (Mark) :.....
 - Loại xe (Model) :.....
 - Màu sơn (Colour) :.....
 - Số máy (Engine No):.....
 - Số khung (Chassic No) :.....
 - Trọng tải (Weight):.....

Chi tiết về cơ quan được cấp phép
Details of Organization that have their non-commercial vehicle
permitted for cross-border

Tên đơn vị (Organization):

.....

Địa chỉ (Address):

.....

Điện thoại (Tel):..... Fax:.....

Mục đích chuyến đi (Purpose of the trip):

.....

.....

Số giấy phép (Permit number):.....

Ngày hết hạn (Date of expire):.....

**GHI CHÚ
NOTICES**

Sổ này có giá trị tối đa 30 ngày
This book is valid for 30 days
Từ ngày: From date..... month..... year.....
Đến ngày: To date..... month..... year.....

Cửa khẩu, vùng hoạt động, nơi đến
Border, Traveling area, Destination

Cửa khẩu (Border gate):

.....

.....

Vùng hoạt động (Traveling area):

.....

.....

Nơi đến (Destination):

.....

.....

Ngày cấp (Date of issue):

Cơ quan cấp phép
Issuing Authority
(Signature, Stamp)

Trang 3

**HÀI QUAN
FOR CUSTOMS**

Ngày khởi hành (Date of Departure)	Ngày về (Date of Arrival)

**HÀI QUAN
FOR CUSTOMS**

Ngày khởi hành (Date of Departure)	Ngày về (Date of Arrival)

Trang tiếp theo

**HÀI QUAN
FOR CUSTOMS**

Ngày khởi hành (Date of Departure)	Ngày về (Date of Arrival)

Hướng dẫn (Instruction)

1. Sổ giấy phép này bao gồm 10 trang và cần phải được giữ sạch sẽ
This permit contains 10 pages excluding the covers and should be kept as clean as possible.
2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì có thể xảy ra, người giữ giấy phép phải đề nghị cấp giấy phép mới.
When this permit gets lost or illegible for any reasons as it may occur, the holder should request the new one at issuing office.
3. Giấy phép này phải được trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.
This permit should be produced to competent authorities upon request.
4. Nghiêm cấm việc tẩy xoá, thay đổi các điều khoản đã ghi trong giấy phép này.
It is prohibited to erase, add or falsify any terms specified in this permit.
5. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy.
This permit shall be used for the specified vehicle only.

Ghi chú (note):

Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150mm.

Paper width: 105 mm, length 150mm

Bìa: màu hồng.

Cover : pink colour.

Phụ lục 2b: Mẫu Phù hiệu liên vận



Number:

**CROSS-BORDER
TRANSPORT
VIET NAM - CAMBODIA**

Organization:

Issued office
(Signature, Stamp)

.....
Registered Number:

Valid until:

Entry point: Exit point:

Route:

Ghi chú (Note): cỡ giấy dài (page length) 22 cm ± 1cm; rộng (page width) 11cm ± 1 cm
Nền màu trắng, chữ màu đỏ, khung viền màu đỏ (White background, red letters, red frame edge)

Phụ lục 3: Giấy đề nghị cấp giấy phép

Tên đơn vị

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN QUA LẠI BIÊN GIỚI
VIỆT NAM - CAMPUCHIA
CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị:
2. Địa chỉ :
3. Số điện thoại: số Fax:
4. Đơn vị đề nghị cấp Giấy phép liên vận qua lại biên giới Việt Nam - Campuchia cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động	Cửa khẩu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										
...										

5. Mục đích đi ra nước ngoài:
.....
.....

6. Vùng hoạt động tại Campuchia:
.....
.....

Đơn vị cam đoan không sử dụng phương tiện cho mục đích kinh doanh vận tải và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những lời khai nêu trên.

....., Ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
Ký tên (đóng dấu)

Phụ lục 4: Giấy đề nghị gia hạn giấy phép

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN QUA LẠI BIÊN GIỚI
VIỆT NAM - CAMPUCHIA
CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**

**REQUEST FOR EXTENDING VIET NAM – CAMBODIA
CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi/ To:.....

1. Tên đơn vị/ Organization:

.....

2. Địa chỉ/ Address:

.....

3. Số điện thoại/Tel: số Fax:

4. Số giấy phép liên vận/ Cross-border Permit No.:

thời gian hết hạn/ Valid until:.....

5. Phương tiện đang lưu trú tại/ Current location of the vehicle:.....

.....

.....

6. Lý do xin gia hạn/ Reasons for Requesting Extension of Cross-border Permit:

.....

.....

....., Ngày/date: / /
(dd/mm/yy)

Lái xe/Driver

(ký và ghi rõ họ tên/Signed & named)